TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÙ CÁT** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2024/DS-ST.
Ngày: 26/7/2024
V/v: "Tranh chấp thực hiện nghĩa vụ dân sự ".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ CÁT, TỈNH BÌNH ĐỊNH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Diệp.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông: Phan Thanh Long
2.Ông: Tô Đình Phương
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:* Ông Phạm Văn Thành – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2024 - Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 14/2024/TLST-DS ngày 06/6/2024 về: *"Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2024/QĐXXST-DS ngày 21/6/2024 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Ông Phan Văn T, sinh năm 1956 – Địa chỉ: Thôn Gia L, xã Cát M, huyện Phù C, tỉnh Bình Định.

-Bị đơn:
+ Bà: Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1972.
+ Ông: Cao Xuân X, sinh năm 1973
Đồng trú tại: Thôn An Quang T, xã Cát Kh, huyện Phù C, tỉnh Bình Định.

Ông X ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Ngọc T đại diện tham gia tố tụng theo "Giấy ủy quyền" ngày 19/7/2024.

-Người có quyền lợi liên quan: Bà Phạm Thị Đ, sinh năm 1962 – Địa chỉ: Thôn Gia L, xã Cát M, huyện Phù C, tỉnh Bình Định.

Đại diện theo ủy quyền của bà Đ: Ông Phan Văn T, sinh năm 1956– Địa chỉ: Thôn Gia L, xã Cát M, huyện Phù C, tỉnh Bình Định – Theo giấy ủy quyền ngày 28/5/2024.

Nay ông T, bà T có mặt tại phiên tòa. Ông X, bà Đ vắng mặt nhưng có mặt

người đại diện theo ủy quyền.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/9/2023, các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay – Nguyên đơn ông Phan Văn T trình bày:*

Ngày 14/01/2006 dương lịch vợ chồng bà Nguyễn Thị Ngọc T – ông Cao Xuân X ở thôn An Quang T, xã Cát Kh, huyện Phù C có đến nhà ông T mượn của vợ chồng ông T - vợ Phạm Thị Đ 05 chỉ vàng y, loại vàng nhẫn 98% để về đóng ghe, hai bên thỏa thuận khi nào vợ chồng ông T cần lấy lại thì vợ chồng bà T phải trả lại số vàng trên. Khi mượn, vợ chồng bà T có thỏa thuận miệng mỗi tháng vợ chồng bà T đưa cho vợ chồng ông T vài trăm tiền lãi. Khi mượn vàng hai bên có viết giấy, vợ chồng bà T – ông X ký vào giấy mượn vàng, hiện bản gốc ông T đã giao nộp cho Tòa.

Sau 03 năm vợ chồng ông T yêu cầu vợ chồng bà T trả lại số vàng trên nhưng vợ chồng bà T nêu ra đủ lý do không trả. Năm 2009 bà T có trả được 01 chỉ, chỉ này là trả lãi, nay vẫn còn nợ 05 chỉ vàng y gốc vay, ông T đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng bà T trả nợ nhưng cho đến nay vẫn không trả. Nay ông T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng bà T – ông X phải trả 05 chỉ vàng y đã mượn cho vợ chồng ông T. Ông T không yêu cầu vợ chồng bà T phải trả lãi nữa.

**Bị đơn – bà Nguyễn Thị Ngọc T trình bày:*

Bà T thừa nhận: Ngày 14/01/2006 dương lịch bà T và chồng là ông Cao Xuân X có đến nhà ông Phan Văn T ở thôn Gia L, xã Cát M mượn của vợ chồng ông T 05 chỉ vàng y, loại vàng nhẫn 98%, hiệu vàng Mỹ T ở xã Cát T, huyện Phù C để về đóng ghe, vợ chồng bà T có hứa mỗi tháng đưa cho vợ chồng ông T vài trăm tiền lãi. Khi mượn vàng, vợ chồng bà T có ký xác nhận vào giấy mượn. Năm 2009 bà T có trả cho vợ chồng ông T được 01 chỉ, 01 chỉ này bà T thống nhất là trả lãi. Bà T thừa nhận hiện nay vợ chồng bà T vẫn còn nợ vợ chồng ông T 05 chỉ vàng y gốc vay, chấp nhận trả nợ nhưng xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng chứ không có khả năng trả một lần hết 05 chỉ vì hiện nay kinh tế vợ chồng bà T vẫn còn khó khăn, còn nợ nhiều người.Yêu cầu Tòa xem xét.

**Đối với bị đơn ông Cao Xuân X:* Tòa đã triệu tập nhiều lần nhưng ông không đến Tòa trình bày ý kiến của mình về vụ kiện nên không có lời khai trong hồ sơ vụ án nhưng ông đã có giấy ủy quyền cho bà T tham gia tố tụng nên ý kiến của bà T cũng là ý kiến của ông X.

** Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:* Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay tuân thủ đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

-Về hướng giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) chấp nhận yêu cầu khởi kiện đòi nợ của nguyên đơn ông Phan Văn T; đề nghị HĐXX buộc vợ chồng bà T – ông X phải trả cho vợ chồng ông T - bà Đ 05 chỉ vàng y gốc vay còn nợ và buộc vợ chồng bà T – ông X phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

**Tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án gồm có:*

+ "Giấy cho mượn vàng" đề ngày 14/01/2006 dương lịch (bản gốc) - Người cho mượn: Ông Phan Văn T; người mượn: Bà Nguyễn Thị Ngọc T – ông Cao Xuân X; bản tự khai của ông T, bà T và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra làm rõ tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (Viết tắt: HĐXX) nhận định:

[1]*Xét về mặt tố tụng*: Sau khi thụ lý vụ kiện dân sự nói trên, Tòa án đã tiến hành tống đạt đầy đủ, hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng của vụ án cho bị đơn ông Cao Xuân X theo đúng quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự nhưng ông X không đến Tòa trình bày ý kiến của ông về vụ kiện, tuy nhiên ông đã có giấy ủy quyền cho bà T (vợ ông) đại diện nên ý kiến của bà T về vụ kiện cũng là ý kiến của ông X.

[2] *Xét nội dung vụ án:*

[a] Xét yêu cầu khởi kiện của ông T yêu cầu vợ chồng bà Nguyễn Thị Ngọc T – ông Cao Xuân X phải trả cho vợ chồng ông T 05 chỉ vàng y gốc vay còn nợ - Hội đồng xét xử (HĐXX) xét thấy yêu cầu hoàn toàn có cơ sở nên được HĐXX chấp nhận, bởi lẽ:

Căn cứ vào "Giấy cho mượn vàng" đề ngày 14/01/2006 dương lịch (bản gốc) do nguyên đơn ông T xuất trình nộp cho Tòa và trên cơ sở lời khai của bà T thừa nhận hiện nay vợ chồng bà T còn nợ vợ chồng ông T 05 chỉ vàng y gốc vay – HĐXX đủ căn cứ xác định vào ngày 14/01/2006 dương lịch bà Nguyễn Thị Ngọc T và chồng là ông Cao Xuân X có vay của vợ chồng ông Phan Văn T - bà Phạm Thị Đ 05 chỉ vàng y, loại vàng nhẫn 98%, loại vay không thời hạn và có lãi; mục đích vay vốn để về đóng ghe; khi vay hai bên có viết giấy, nội dung ghi trong giấy thể hiện vợ chồng bà T – ông X mượn của vợ chồng ông T 05 chỉ vàng y nhưng thực chất là vay có trả lãi, tuy nhiên về mức lãi suất phải trả các bên trình bày không thống nhất. Đến năm 2009 vợ chồng ông T cần đòi lại số vàng cho vay nhưng vợ chồng bà T chỉ trả được cho vợ chồng ông T 01 chỉ vàng y, hai bên thống nhất chỉ vàng này là trả lãi, 05 chỉ vàng y gốc vay đến nay vợ chồng bà T vẫn còn nợ. Sau năm 2009 vợ chồng ông T nhiều lần yêu cầu vợ chồng bà T trả nợ nhưng vợ chồng bà T - ông X nêu ra nhiều lý do, cho đến nay vẫn không trả 05 chỉ

vàng y gốc vay cho vợ chồng ông T. Tại phiên tòa hôm nay bà T chấp nhận vợ chồng bà sẽ trả 05 chỉ vàng vay cho vợ chồng ông T nhưng xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng, vì bà cho rằng hiện nay kinh tế vợ chồng bà đang khó khăn, không có khả năng trả ngay 01 lần 05 chỉ; yêu cầu xin trả nợ dần của bà T không được ông T chấp nhận, ông T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng bà T – ông X phải trả đủ 05 chỉ vàng y gốc vay còn nợ cho vợ chồng ông.

HĐXX xét thấy quan hệ pháp luật mà các bên đang tranh chấp là *"Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ dân sự"* trả vàng xuất phát từ giao dịch dân sự giữa hai bên xác lập là "Hợp đồng vay tài sản" được xác lập vào ngày 14/01/2006 dương lịch. "Hợp đồng vay tài sản" giữa vợ chồng bà T, ông X với vợ chồng ông T, bà Đ xác lập có đủ điều kiện có hiệu lực của một giao dịch dân sự được quy định tại Điều 122 của Bộ luật dân sự năm 2005, nên làm phát sinh quyền, nghĩa vụ dân sự của các bên kể từ khi ký kết giao dịch. Sau khi ký kết hợp đồng, vợ chồng ông T đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của bên cho vay, đã giao vàng cho vợ chồng bà T – ông X vay theo đúng số vàng vay như hai bên đã ký kết, nhưng khi vợ chồng ông T cần đòi lại số vàng cho vay, ông T đã báo trước và nhiều lần đòi nợ nhưng cho đến nay vợ chồng bà T không trả nợ là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015. Thời gian vay vàng đã quá lâu nhưng cho đến nay vợ chồng bà T không trả nợ cho vợ chồng ông T, gây nên sự bức xúc cho phía nguyên đơn. Hành vi không thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay của vợ chồng bà T – ông X là hành vi có lỗi, đã xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của vợ chồng ông T. Xét yêu cầu khởi kiện đòi nợ của ông T là hoàn toàn có căn cứ, phù hợp theo quy định tại các Điều: 473, 474, 477 của Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên được HĐXX chấp nhận.

Buộc vợ chồng bà T – ông X phải thực hiện nghĩa vụ trả cho vợ chồng ông T - bà Đ 05 chỉ vàng y gốc vay còn nợ (loại vàng nhẫn chất lượng vàng 98%).

[b] Đối với lãi vay: Ông T không yêu cầu vợ chồng bà T - ông X phải trả lãi vay nữa nên HĐXX không xem xét.

[c]Án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí;

Căn cứ vào giá vàng theo thị trường tại thời điểm Tòa xét xử sơ thẩm của loại vàng y (vàng nhẫn loại vàng 98%) là 7.500.000 đồng/chỉ X 05 chỉ = 37.500.000 đồng x 5% án phí = 1.875.000 đồng án phí.

Vì vậy, buộc vợ chồng bà T – ông X phải nộp 1.875.000 đồng đồng án phí dân sự sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước.

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phù Cát hoàn trả lại cho ông T 750.000 đồng tạm ứng án phí khởi kiện do ông T đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0006874 ngày 06/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phù Cát.

[3] Xét ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị hướng giải quyết nội dung vụ án phù hợp với hướng nhận định của HĐXX nên được HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều: 122, 471, 473, 474, 477 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí;

Tuyên xử:

1.Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện đòi nợ của nguyên đơn ông Phan Văn T đối với bị đơn vợ chồng bà Nguyễn Thị Ngọc T – ông Cao Xuân X.

2.Buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị Ngọc T – ông Cao Xuân X phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho vợ chồng ông Phan Văn T - bà Phạm Thị Đ 05 (Năm) chỉ vàng y gốc vay còn nợ, loại vàng nhẫn, chất lượng vàng 98%.

Không chấp nhận yêu cầu xin trả nợ dần của bà T.

3.Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị Ngọc T – ông Cao Xuân X phải nộp **1.875.000 đồng** *(Một triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng)* sung ngân sách Nhà nước.

+ Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phù Cát hoàn trả lại cho ông Phan Văn T **750.000 đồng** tạm ứng án phí khởi kiện do ông T nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0006874 ngày 06/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phù Cát.

Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự đều có mặt tại phiên tòa nên được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
-Các đương sự;
-VKSND huyện Phù Cát;
-VKSND tỉnh Bình Định;
-TAND tỉnh Bình Định;
-Chi cục T.H.A ds huyện Phù Cát;

-Lưu hồ sơ, lưu án văn. **Lê Thị Diệp**